

Bản án số: 87/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23-6-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải.

Ông Nguyễn Tuấn Lam.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Phan Văn P, sinh ngày 01/01/1959 (Trích lục kết hôn ghi sinh năm 1958); Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Có đơn xin vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 3 năm 2025, trong quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn, ông Phan Văn P, trình bày: Vào năm 1985, sau thời gian tìm hiểu, ông và bà Nguyễn Thị N đã đi đến hôn nhân, về sống chung gia đình bà N, không tổ chức lễ cưới cũng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, có 01 con chung là Phan Châu H, sinh năm 1987. Đến năm 2005, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ly thân từ đó đến nay,

không hàn gắn tình cảm được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị N. Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Kết hôn với ông P năm 1985, như trình bày của ông P, nhưng có đăng ký kết hôn năm 2002. Đã ly thân hơn 10 năm không hàn gắn được. Ông P xin ly hôn, bà không ký đơn gì cả, ông P chia tài sản bà mới ký đơn ly hôn. Con chung Phạm Châu H1, sinh năm 1987, trước đây khỏe mạnh, lao động bình thường. Mấy năm trước bị bệnh, mù mắt nên không lao động, sinh sống được, yêu cầu ông P cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng, từ tháng 05/2025 trở về sau. Có tài sản chung là nền nhà ngang 06m, dài 11m, tọa lạc tại ấp P B, xã P B, không biết sổ thừa đất, tờ bản đồ, yêu cầu ông P chia đôi theo giá trị của Nhà nước. Có nợ chung nhưng sẽ trình bày sau. Tòa án đã yêu cầu nhưng đến nay bà N chưa làm đơn yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho ông Phan Văn P được ly hôn với bà Nguyễn Thị N. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Phan Văn P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn ông Phan Văn P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa ông Phan Văn P và bà Nguyễn Thị N được pháp luật công nhận, vì theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội, thì tuy không có đăng ký kết hôn nhưng quan hệ hôn nhân đã được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp

có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn... Đến năm 2002, thì ông bà đã đăng ký kết hôn.

[4] Xét, yêu cầu của ông P là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống giữa ông P và bà N có phát sinh mâu thuẫn gia đình. Ông P và bà N không còn sống chung đã lâu vẫn không hàn gắn được. Tòa án đã triệu tập bà N đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng bà N chỉ đến một lần, nhưng không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ mà chỉ muốn chia tài sản. Điều này cho thấy hôn nhân giữa ông P và bà N không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Phan Văn P được ly hôn với bà Nguyễn Thị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết nên chưa xem xét, nếu phát sinh tranh chấp có quyền khởi kiện theo quy định chung.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn ông P là người cao tuổi có đơn đề nghị, nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 53 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn P. Cho ông Phan Văn P được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Văn P được miễn án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn, nếu có;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú